

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2024/HS-PT
Ngày 23 tháng 4 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Bích Lược

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trường

Ông Phạm Văn Toàn

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P, đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 23/2024/TLPT-HS ngày 04/3/2024. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Nguyễn Ngọc T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2023/HSST ngày 26/12/2023 của TAND huyện P, tỉnh P.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Văn S, sinh năm 1967 tại tỉnh P; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký HKTT: Khu T, thị trấn C, huyện P, tỉnh P; chỗ ở hiện nay: Khu 9, thị trấn C, huyện P, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/10; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1932; vợ: D Thị L, sinh năm 1968 (Đã chết); con: có 02 con, con lớn sinh năm 1989 (đã chết) nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 02 (Bản án số 62/HSST ngày 23/7/1998 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh V xử phạt bị cáo S 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 21/3/1998. Nộp án phí ngày 04/11/2003; Bản án số 08/HSST ngày 23/02/2001 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P xử phạt bị cáo S 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/11/2000. Chấp hành xong án phí ngày 12/10/2001.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/08/2023 đến ngày 14/8/2023; hiện nay bị cáo tại ngoại (có mặt)

2. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1972 tại tỉnh P; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu 7, thị trấn C, huyện P, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Đình P (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2014 tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 03 (Bản án số 02/1993/HSST

ngày 03/02/1993 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh P xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”; Bản án số 73/1994/HSST ngày 21/9/1994 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh P xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản công dân”; Bản án số 1151 ngày 03/02/1993 của Tòa Phúc Thẩm Tòa án nhân dân Tối Cao y án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/8/1996;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2023 đến ngày 14/8/2023; hiện nay bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 45 phút ngày 11 tháng 8 năm 2023 Tổ công tác Công an huyện P phối hợp cùng Công an thị trấn C phát hiện bắt quả tang tại chỗ ở thuộc khu 9, thị trấn C, huyện P, tỉnh P của Nguyễn Văn S – sinh năm 1967, nơi thường trú: Khu T, thị trấn C, huyện P, tỉnh P có một số đối tượng đang đánh bạc hình thức chơi bài “ba cây” thắng thua bằng tiền gồm: Nguyễn Văn S (chủ nhà); Nguyễn Ngọc T - sinh năm 1972, nơi thường trú: Khu 7, thị trấn C, huyện P, tỉnh P; Hán Văn T- sinh năm 1985, nơi thường trú: Khu 4, xã Gia Thanh, huyện P, tỉnh P; Trần Xuân N – sinh năm 1972, nơi thường trú: Khu 9, thị trấn C, huyện P, tỉnh P; Nguyễn Quốc H- sinh năm 1991, nơi thường trú: Khu 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh P; Nguyễn Mạnh C - sinh năm 1988, nơi thường trú: Khu 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh P và Lê Mạnh D- sinh năm 1995, nơi tạm trú: Khu Mã Thượng A, thị trấn C, huyện P, tỉnh P.

Vật chứng thu giữ tại nơi các đối tượng đánh bạc gồm: 36 (ba mươi S) quân bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc chiếu nhựa, loại chiếu đôi có hoa văn màu xanh - đỏ, kích thước 160cm x 200cm, chiếu đã qua sử dụng; số tiền 5.220.000đ (năm triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), cụ thể:

Thu giữ số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) trên chiếc chiếu nhựa, phía trước vị trí ngồi đánh bạc của Nguyễn Văn S;

Thu giữ số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) trên chiếc chiếu nhựa, phía trước vị trí ngồi đánh bạc của Nguyễn Mạnh Cường;

Thu giữ số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) trên chiếc chiếu nhựa, phía trước vị trí ngồi đánh bạc của Trần Xuân N;

Thu giữ số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) bên trong chiếc ví giả da màu nâu, chiếc ví đặt trên chiếc chiếu nhựa, phía trước vị trí ngồi đánh bạc của Hán Văn T;

Thu giữ số tiền 1.050.000đ (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) trên chiếc chiếu nhựa, phía trước vị trí ngồi đánh bạc của Nguyễn Quốc Huy; Số tiền 320.000đ (ba trăm hai mươi nghìn đồng) tại bên trong túi quần sau bên phải của Nguyễn Quốc Huy;

Thu giữ số tiền 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) trên chiếc chiếu nhựa, phía trước vị trí ngồi đánh bạc của Nguyễn Ngọc T;

Thu giữ số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) trên chiếc chiếu nhựa, phía trước vị trí ngồi đánh bạc của Lê Mạnh Dương; Số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tại túi quần sau bên phải của Lê Mạnh Dương;

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận cụ thể như sau:

Khoảng 12 giờ 00 ngày 11/8/2023 khi Nguyễn Văn S đang ở tại chỗ ở thuộc khu 9, thị trấn C, huyện P, tỉnh P thì lần lượt có Nguyễn Ngọc T; Trần Xuân N và Lê Mạnh Đến chơi. Sau đó S, T, N và D cùng rủ nhau đánh bạc, hình thức chơi bài “ba cây” thì tất cả đồng ý. S lấy ra bộ bài tú lơ khơ có 36 quân bài từ quân “A đến quân 9” có sẵn từ trước để ra chiếc chiếu nhựa đã được trải sẵn ở nền nhà, rồi S, T, N và D cùng ngồi xuống đánh bạc với nhau. Mức chơi “bình chương” là 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) một ván. Cách thức chơi sử dụng 36 quân bài tú lơ khơ từ quân “A” đến quân “9” có đủ các chất thứ tự từ cao xuống thấp là “ cơ, rô, tép, bích” của bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Mức chơi “bình chương” là 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) mỗi ván. Người cầm “chương” sẽ cho một người chơi bốc bài để tính thứ tự người được chia bài đầu tiên, sau đó sẽ chia bài lần lượt theo vòng tròn kim đồng hồ cho tất cả những người chơi mỗi người chơi ba quân bài bất kỳ. Sau khi chia bài xong tất cả mọi người lên bài rồi cộng tổng điểm các quân bài mà mình có (thấp nhất là 01 điểm, cao nhất là 10 điểm) rồi so với bài của người cầm chương. Nếu bài của người cầm chương cao điểm nhất thì những người chơi còn lại sẽ phải trả cho người cầm chương 50.000đ (năm mươi nghìn đồng); nếu bài của người cầm chương thấp điểm hơn bài của những người chơi khác thì sẽ phải trả cho người chơi 50.000đ (năm mươi nghìn đồng). Nếu bài của ai được 10 điểm thì được cầm chương ván tiếp theo và không chơi bài “sáp” và “đồng hoa”. S, T, N và D đánh bạc cùng nhau đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày thì có Hán Văn Đến và tham gia đánh bạc. Sau khi T tham gia đánh bạc được khoảng 05 phút thì tiếp tục có Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Quốc H đến và cũng tham gia đánh bạc cùng. Quá trình đánh bạc S không thu khoản tiền gì của ai.

Đến khoảng 12 giờ 45 phút cùng ngày, khi S, T, N, Dương, Thủy, C và H đang đánh bạc cùng nhau thì bị Công an huyện P phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Quá trình tham gia đánh bạc các đối tượng khai nhận số tiền sử dụng để đánh bạc cụ thể là:

Nguyễn Văn S khai: Khi bắt đầu tham gia đánh bạc S có 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), S sử dụng toàn bộ số tiền này để tham gia đánh bạc. S tham gia đánh bạc liên tục nhiều ván từ đầu, có ván thắng, ván thua. Đến khi bị bắt quả tang, tại chỗ ngồi của S có số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), S khai nhận là tiền đang sử dụng đánh bạc. Như vậy S thua bạc 100.000đ (một trăm nghìn đồng).

Trần Xuân N khai: Khi bắt đầu tham gia đánh bạc N có 800.000đ (tám trăm nghìn đồng), N sử dụng toàn bộ số tiền này để tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc N chơi liên tục nhiều ván từ đầu, có ván thắng, ván thua. Đến khi bị bắt quả tang, tại chỗ ngồi của N có số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), N khai nhận là tiền đang sử dụng đánh bạc. Như vậy N đang thua bạc 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

Hán Văn T khai: Khi bắt đầu tham gia đánh bạc T có 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng), T sử dụng toàn bộ số tiền này để tham gia đánh bạc. Quá

trình đánh bạc T tham gia đánh bạc nhiều ván, T để tiền trong ví đặt ở trước mặt và rút tiền ra, đúc tiền vào ví liên tục để thanh toán thắng thua. Đến khi bị bắt quả tang, trong chiếc ví đặt ở chỗ ngồi đánh bạc của T có số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), T khai nhận là tiền đang sử dụng đánh bạc. Như vậy T thua bạc 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyễn Ngọc T khai: Khi bắt đầu tham gia đánh bạc T có 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), T bỏ ra chiếu 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) sử dụng để tham gia đánh bạc. Còn lại 2.000.000đ (hai triệu đồng), T đúc trong túi quần sau bên phải và không sử dụng để đánh bạc. T tham gia đánh bạc liên tục nhiều ván từ đầu, có ván thắng, ván thua. Đến khi bị bắt quả tang, tại chỗ ngồi đánh bạc của T có số tiền 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng), T khai nhận là tiền đang sử dụng đánh bạc. Như vậy T thua bạc 50.000đ (năm mươi nghìn đồng). Kiểm tra trên người T có số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) ở túi quần sau bên phải. Số tiền này T khai không sử dụng để đánh bạc mà để trả nợ cho chị Trần Thị Phương N, sinh năm 1974, nơi ĐKKHKT tại khu 7, thị trấn C, huyện P, tỉnh P.

Lê Mạnh D khai: Khi bắt đầu tham gia đánh bạc D có 1.850.000đ (một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). D sử dụng số tiền 850.000đ (tám trăm năm mươi nghìn đồng) để tham gia đánh bạc, trong đó D bỏ trước ra chiếu số tiền 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng) và đúc 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) ở túi quần sau bên phải. Còn lại 1.000.000đ (một triệu đồng), D vẫn để trong ví, đúc ở túi quần trước bên phải và không sử dụng để đánh bạc. D tham gia đánh bạc liên tục nhiều ván từ đầu, có ván thắng, ván thua. Đến khi bị bắt quả tang, tại chỗ ngồi đánh bạc của D có số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng), D khai nhận là tiền đang sử dụng đánh bạc. Tại túi quần sau bên phải của D có số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), D khai nhận là tiền sử dụng để đánh bạc nhưng chưa dùng đến. Như vậy D đang thắng bạc số tiền 850.000đ (tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyễn Mạnh C khai: Trước khi tham gia đánh bạc C có 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng), C cho Nguyễn Quốc H vay số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), còn lại 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) C sử dụng để tham gia đánh bạc. C tham gia đánh bạc liên tục nhiều ván, có ván thắng, ván thua. Đến khi bị bắt quả tang, tại chỗ ngồi của C có số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng), C khai nhận là tiền đang sử dụng đánh bạc. Như vậy C không thắng, không thua bạc.

Nguyễn Quốc H khai: Trước khi tham gia đánh bạc, H có mang theo số tiền 320.000đ (ba trăm hai mươi nghìn đồng). Do nghĩ số tiền này ít không đủ để đánh bạc nên H vay của Nguyễn Mạnh C số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Tổng số số tiền H sử dụng để đánh bạc là 1.320.000đ (một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, H bỏ trước ra chiếu số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) để đánh bạc, còn lại 320.000đ (ba trăm hai mươi nghìn đồng), H vẫn đúc trong túi quần sau bên phải. H tham gia đánh bạc liên tục nhiều ván, có ván thắng, ván thua. Đến khi bị bắt quả tang, tại chỗ ngồi đánh bạc của H có số tiền 1.050.000đ (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), H khai nhận là tiền đang sử dụng đánh bạc. Kiểm tra tại túi quần sau bên phải của H có số tiền 320.000đ (ba trăm hai mươi nghìn đồng), H khai nhận là tiền

đánh bạc nhưng chưa sử dụng đến. Như vậy H đang thắng bạc số tiền 50.000đ (năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền Nguyễn Văn S, Nguyễn Ngọc T, Trần Xuân N, Hán Văn Thủy, Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Mạnh C và Lê Mạnh D sử dụng để đánh bạc với nhau ngày 11/8/2023 là: 5.220.000đ (năm triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2023/HSST ngày 26/12/2023, TAND huyện P, tỉnh P đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử :

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn S phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 07 (bảy) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/8/2023 đến ngày 14/8/2023. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 07 (bảy) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/8/2023 đến ngày 14/8/2023. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên các quyền và nghĩa vụ khác của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/01/2024 bị cáo S, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và xuất trình cho Hội đồng xét xử tình tiết giảm nhẹ mới.

Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Ngọc T. Sửa bản án sơ thẩm số: 07/2023/HSST ngày 26/12/2023 của TAND huyện P, tỉnh P về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, đơn kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về những chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều khai nhận đã có hành vi phạm tội nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định:

Vào khoảng 12 giờ 45 phút ngày 11/8/2023, tại chỗ ở thuộc khu 9, thị trấn C, huyện P, tỉnh P của bị cáo S các bị cáo Trần Xuân N, Nguyễn Văn S, Nguyễn

Ngọc T, Hán Văn T, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Mạnh C và Lê Mạnh D đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi “Ba cây” được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 5.220.000 đồng (Năm triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo S, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Các bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng cả hai bị cáo đều có nhân thân, hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đến thời điểm phạm tội lần này các bị cáo đều đã được xóa án tích, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc ít, bị cáo S chỉ tham gia đánh bạc với số tiền 500.000 đồng, bị cáo T 2.500.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo S và T xuất trình cho HĐXX tình tiết giảm nhẹ mới, bố mẹ vợ bị cáo T là người có công với cách mạng được tặng thưởng H chương kháng chiến, bố đẻ bị cáo S được tặng huân chương kháng chiến, cả bị cáo S và bị cáo T đều mắc bệnh nan y HIV. Bị cáo S hoàn cảnh gia đình éo le, hiện bị cáo là người trực tiếp nuôi cháu ngoại không có bố, mẹ cháu bị tai nạn giao thông đã chết, cháu bị tật nguyền được hưởng trợ cấp của nhà nước, gia đình thuộc hộ cận nghèo. Do vậy, các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội ít nghiêm trọng. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo S, T được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Ngọc T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2023/HSST ngày 26/12/2023 của TAND huyện P, tỉnh P về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Ngọc T.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều

12; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử :

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn S phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2023 đến ngày 14/8/2023).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2023 đến ngày 14/8/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc T và bị cáo Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh P giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát và giáo dục bị cáo được thực hiện theo Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

[3] Án phí phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Văn S không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- CA, TA, VKS, THADS H. P
- Các bị cáo;
- PV06 CA tỉnh P;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điền Thị Bích Lược

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đieu Thị Bích Lợt

**Tọa ,n nh©n d©n
tØnh phó thă§éc lĒp - Tù do - H¹nh phóc**

Céng hợp x· héi chñ nghĒa ViĒt N

Sè: /2022/TB-TA

P, ngày 24 tháng 10 năm 2022

THÔNG BÁO

SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN (QUYẾT ĐỊNH)

Căn cứ Điều 365 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

**Xét thấy Bản án hình sự phúc thẩm số: 80/2022/HS-PT ngày 05/9/2022 của Tòa
án nhân dân tỉnh P có thiếu sót khi soát xét cần được sửa chữa, bổ sung như sau:**

Bản án hình sự phúc thẩm số: 80/2022/HS- PT ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh P trang 2 dòng số 5 từ trên xuống ghi:" ... từ ngày 18/01/2021."

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: B

ản án hình sự phúc thẩm số: 80/2022/HS- PT ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh P trang 2 dòng số 5 từ trên xuống sửa lại:" ... từ ngày 18/01/2022."

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- CA, TA, VKS, THADS H. Cẩm Khê;
- Các bị cáo;
- PV06 CA tỉnh P;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điều Thị Bích Lược

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- CA, TA, VKS, THADS H. Cẩm Khê;
- Các bị cáo;
- PV06 CA tỉnh P;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điều Thị Bích Lược

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Việt Phạm Văn Toàn Nguyễn Việt Tiến